

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành “Quy định thời gian xếp hàng, kỳ hạn nhận hàng,
giải phóng toa xe và thu tiền đọng toa xe”

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Căn cứ Thông tư số 22/2018/TT-BGTVT ngày 02/5/2018 của Bộ GTVT ban hành “Quy định về việc vận tải hàng hóa trên đường sắt Quốc gia và đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt Quốc gia”;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn (sửa đổi, bổ sung lần thứ nhất) đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28/4/2018;

Theo đề nghị của Ông Trưởng phòng Kinh doanh và Chăm sóc khách hàng,

QUYẾT ĐỊNH:

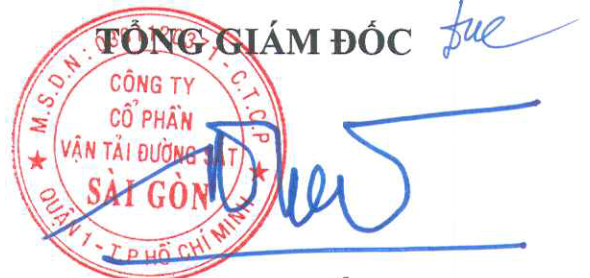
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định thời gian xếp hàng, kỳ hạn nhận hàng, giải phóng toa xe và thu tiền đọng toa xe” của Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn.

Điều 2. Quy định này có hiệu lực từ 0 giờ 00 ngày 01/01/2019. Hủy bỏ các quy định liên quan trước đây có nội dung trái với quyết định này.

Điều 3. Trưởng các phòng nghiệp vụ, Giám đốc các Chi nhánh VTĐS và Thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TCT ĐSVN (để báo cáo);
- Các Ban KHKD, TCKT, VT, ĐMTX TCT ĐSVN (để báo cáo);
- Công ty CP VTĐS Hà Nội (để phối hợp);
- TTĐHVTĐS (để phối hợp);
- Các CN KTĐS (để phối hợp);
- HDQT, Ban TGĐ, Ban KS, Kế toán trưởng C.ty;
- Lưu: VT, KD&CSKH (05 bản).



Đào Anh Tuấn

QUY ĐỊNH

THỜI GIAN XÉP DỠ, KỲ HẠN NHẬN HÀNG, GIẢI PHÓNG TOA XE VÀ THU TIỀN ĐỌNG XE

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **653** /QĐ-VTSG ngày **14** /12/2018
của Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn).

I. QUY ĐỊNH CHUNG:

Điều 1. Mục đích.

Thực hiện “Quy định về vận tải hàng hóa trên đường sắt quốc gia và đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia” ban hành theo Thông tư số 22/2018/TT-BGTVT ngày 02/5/2018 của Bộ Giao thông vận tải, Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn ban hành quy định thời gian tác nghiệp xếp dỡ, kỳ hạn nhận hàng, giải phóng toa xe và thu tiền đống xe nhằm:

1. Làm căn cứ để các Chi nhánh vận tải đường sắt, Trung tâm (hoặc Trạm) vận tải đường sắt thuộc Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn đơn đốc việc xếp, dỡ hàng hóa đúng thời gian quy định; quay vòng toa xe nhanh; sử dụng kho, ke, bãi hàng và năng lực thiết bị xếp dỡ hiệu quả;

2. Đáp ứng nhu cầu của Người thuê vận tải, Người nhận hàng, Doanh nghiệp phù hợp với năng lực xếp, dỡ hàng hóa tại các ga đường sắt được Tổng công ty ĐSVN và các Chi nhánh KTĐS công bố;

3. Làm căn cứ thực hiện những quy định liên quan đến việc cấp xe xếp, dỡ; phối hợp thực hiện dồn, cấp xe tại ga đường sắt và tổ chức vận chuyển hàng hóa phù hợp với Quy định về việc vận tải hàng hóa trên đường sắt quốc gia và đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia, quy định của Pháp luật và mục tiêu kinh doanh vận tải hàng hóa của Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn;

4. Làm căn cứ để xác định trách nhiệm của các bên liên quan cấp, giải phóng toa xe khi ký kết hợp đồng vận tải với các Công ty khác tham gia vận tải hàng hóa trên đường sắt;

5. Kiểm tra theo dõi chất lượng công tác xếp dỡ hàng, việc chấp hành mệnh lệnh của các chức danh liên quan. Làm cơ sở cho việc phân định trách nhiệm các bên liên quan, các đơn vị, cá nhân xếp dỡ hàng hóa, đưa, lấy hàng; ngăn ngừa các hành vi tiêu cực góp phần nâng cao chất lượng phục vụ và khối lượng vận chuyển hàng hóa bằng đường sắt.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi áp dụng.

1. Đối tượng áp dụng:

a. Các Chi nhánh vận tải đường sắt, Trung tâm (hoặc Trạm) vận tải đường sắt, tổ chức xếp dỡ hàng của Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn tại các ga có xếp, dỡ hàng hóa trên toàn mạng lưới đường sắt quốc gia và đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia;

b. Các đơn vị bốc xếp thủ công, cơ giới có hợp đồng với Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn tham gia xếp dỡ hàng hóa tại các ga trên đường sắt quốc gia và đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia;

c. Người thuê vận tải, Người nhận hàng, Doanh nghiệp vận tải và các bên liên quan vận chuyển hàng hóa bằng đường sắt trên đường sắt quốc gia và đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia;

2. Phạm vi áp dụng: Công tác tổ chức xếp, dỡ hàng hóa theo các loại toa xe hàng do Chi nhánh vận tải đường sắt, Trung tâm (hoặc Trạm) vận tải đường sắt trực thuộc Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn lập hoá đơn gửi hàng hoặc được Doanh nghiệp khác ủy thác và thực hiện các tác nghiệp xếp dỡ tại các ga, bãi, đường nhánh trên các tuyến đường sắt và đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia.

Điều 3. Giải thích từ ngữ.

Ngoài các từ ngữ đã được giải thích đầy đủ tại Thông tư số 22/2018/TT-BGTVT ngày 02/5/2018 của Bộ GTVT ban hành “Quy định về vận tải hàng hóa trên đường sắt Quốc gia và đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt Quốc gia”, Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn hướng dẫn thực hiện thêm một số quy định sau:

1. Thời gian xếp, dỡ:

a. Thời gian xếp cho một toa xe được tính từ lúc toa xe đã được đưa vào địa điểm xếp và doanh nghiệp vận tải đã báo cho người thuê vận tải đến khi xếp xong hàng hóa (bao gồm cả thời gian đóng cửa toa xe, gia cố và niêm phong).

b. Thời gian dỡ cho một toa xe được tính từ lúc toa xe đã được đưa vào địa điểm xếp dỡ và doanh nghiệp vận tải đã báo cho người nhận hàng đến khi người nhận hàng dỡ xong hàng hóa và trả toa xe rỗng cho doanh nghiệp vận tải (bao gồm cả thời gian vệ sinh và đóng cửa toa xe).

2. Kế hoạch xếp dỡ: Là kế hoạch thời gian xếp dỡ cho từng đợt xếp dỡ, từng cụm xe xếp dỡ, từng đường xếp dỡ.

Căn cứ biểu tắc nghiệp kỹ thuật ga, nhân viên hóa vận làm kế hoạch xếp dỡ với ga và thông báo cho người thuê vận tải, người nhận hàng và các bộ phận liên quan triển khai thực hiện.

3. Kỳ hạn nhận hàng: Kỳ hạn nhận hàng được tính từ khi người nhận hàng được doanh nghiệp vận tải báo tin hàng đến cho đến khi người nhận hàng dỡ hết hàng và mang ra khỏi ga (bao gồm thời gian người nhận hàng chuẩn bị và đi đến ga, thời gian làm thủ tục nhận hàng, thời gian dỡ hàng và mang hết hàng ra khỏi ga).

4. Thời gian đọng xe: Là thời gian phát sinh do người thuê vận tải, người nhận hàng xếp dỡ vượt quá thời gian xếp dỡ quy định hoặc quá kỳ hạn nhận hàng và các phát sinh đọng toa xe khác trong quá trình vận chuyển.

5. Tiền đọng toa xe: Là chi phí mà Người thuê vận tải, Người nhận hàng phải trả cho Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn về các khoản phí phát sinh do làm đọng toa xe như: Dọng xe, lưu kho bãi, bảo quản, di chuyển hàng hóa (nếu có).

6. Trường hợp bất khả kháng: Là trường hợp xảy ra do thiên tai, địch họa, dịch bệnh hoặc vì lý do bảo đảm trật tự, an ninh xã hội, tắc đường vận chuyển không do lỗi của doanh nghiệp vận tải, người thuê vận tải, người nhận hàng sau khi đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.

Điều 4. Nguyên tắc tính tiền đọng toa xe.

1. Nguyên tắc:

a. Việc xếp dỡ hàng hóa được thực hiện liên tục 24 giờ trong ngày, kể cả ngày nghỉ Lễ, Tết, Thứ 7 và Chủ nhật (trừ các trường hợp dừng xếp dỡ do các nguyên nhân bất khả kháng).

b. Nhân viên hóa vận:

- Căn cứ kế hoạch chạy tàu dự báo cho người nhận hàng biết thời gian toa xe hàng về đến ga đến.

- Báo tin hàng đến khi hàng đã về đến ga và thực hiện các tác nghiệp hàng đến theo quy định.

- Sau khi người nhận hàng đăng ký dỡ hàng, làm kế hoạch với nhà ga đảm bảo đưa xe vào đường xếp dỡ thuận lợi nhất, toa xe đến trước hoặc xe theo thứ tự ưu tiên phải dồn vào đường xếp dỡ trước.

- Chậm nhất 02 giờ trước giờ đưa toa xe vào địa điểm xếp dỡ phải thông báo cho người thuê vận tải, người nhận hàng biết số lượng, số hiệu toa xe dồn vào đường xếp dỡ, vị trí xếp dỡ.

- Người thuê vận tải hoặc người nhận hàng phải trả tiền đọng toa xe khi xếp dỡ vượt quá định mức thời gian quy định về xếp dỡ, kỳ hạn nhận hàng và các phát sinh khác do chủ quan gây ra.

2. Cách xác định thời gian đọng xe được quy định như sau:

a. Thời gian đọng xe do xếp hàng vượt quá quy định: Là khoảng thời gian xếp hàng vượt quá định mức theo quy định tại Mục 1, Điều 5 quy định này.

b. Thời gian đọng xe do dỡ hàng vượt quá quy định: Là khoảng thời gian dỡ hàng vượt quá định mức dỡ hàng theo quy định tại Mục 1, Điều 5 quy định này và còn trong kỳ hạn nhận hàng.

c. Thời gian đọng xe do vượt quá quy định về kỳ hạn nhận hàng: Là khoảng thời gian tính từ thời điểm quá kỳ hạn nhận hàng quy định tại Mục 2, Điều 5 quy định này đến khi người nhận hàng dỡ xong hàng trả xe cho đường sắt (bao gồm cả thời gian xếp dỡ khi quá thời hạn nhận hàng), bao gồm:

- Quá kỳ hạn nhận hàng mà người nhận hàng không đến nhận hàng.
- Quá kỳ hạn nhận hàng khi người nhận hàng đến nhận hàng nhưng không đủ điều kiện dỡ hàng hoặc dồn dỡ hàng như: Chưa thực hiện đủ các thủ tục để dỡ hàng đối với cơ quan nhà nước (hải quan, kiểm dịch, thị trường,...) hoặc với bên dân sự thứ ba (đường nhánh của chủ hàng khác, việc không tiếp nhận hàng của bên thứ ba,...).

d. Dỡ đọng toa xe phát sinh khác trong quá trình vận chuyển do lỗi người thuê vận tải như: Vượt quá định mức thời gian làm thủ tục Hải quan xuất nhập khẩu (quy định tại Mục 2, Điều 6 quy định này), theo lệnh dừng tàu cắt lại toa xe do các cơ quan chức năng có thẩm quyền, lỗi kỹ thuật do bao bì, đóng gói, khai sai trọng lượng, khai sai tên hàng, giấy tờ kèm theo.... Thời gian đọng xe tính từ lúc phát sinh đến khi giải quyết xong.

e. Trường hợp toa xe về ga đã báo tin hàng đến và người nhận hàng đã đăng ký dỡ hàng nhưng do lỗi đường sắt (năng lực cơ sở hạ tầng đường sắt không đủ đáp ứng, không bố trí được máy dồn cấp xe vào đường xếp dỡ,... theo yêu cầu của người nhận hàng, có biên bản xác nhận đầy đủ của các bên) và các nguyên nhân bất khả kháng khác thì khoảng thời gian này không tính vào thời gian đọng xe.

f. Các toa xe đến sau của cùng một người thuê vận tải quá kỳ hạn nhận hàng do chưa giải phóng được hàng của các toa xe đến trước (đọng lầy). Thời gian đọng xe được tính do quá kỳ hạn nhận hàng của các toa xe đó.

3. Số tiền đọng một toa xe = (Thời gian đọng xe) × (Đơn giá đọng một toa xe).

4. Đơn vị tính thời gian đọng xe:

a. Toa xe đường sắt Việt Nam: Thời gian đóng xe được tính theo ngày/xe, cụ thể: dưới 12 giờ không tính, từ 12 giờ đến 24 giờ tính 01 ngày.

b. Toa xe đường sắt Trung Quốc đóng xe trên đường sắt Việt Nam, toa xe chạy trong tàu chuyên tuyến: Thời gian đóng xe được tính theo giờ/xe, cụ thể: Dưới 30 phút không tính, từ 30 phút đến 60 phút tính 01 giờ.

II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ:

Điều 5. Định mức thời gian xếp dỡ.

1. Thời gian xếp dỡ:

a. Định mức thời gian xếp, dỡ cho một toa xe khổ đường 1000 mm:

- Xếp, dỡ bằng thủ công:

+ Hàng bao, kiện (≤ 50 kg/bao, kiện): Xếp 03 giờ/xe, dỡ 03 giờ/xe.

+ Hàng bao, kiện (> 50 kg đến ≤ 500 kg/bao, kiện): Xếp 05 giờ/xe, dỡ 04 giờ/xe.

+ Hàng rời xếp đóng (than, quặng, đất, đá....): Xếp 04 giờ/xe; dỡ 04 giờ/xe.

b. Xếp, dỡ bằng cơ giới:

- Container: 0,5 giờ/01 container không phân biệt nặng rỗng.

- Hàng máy móc, thiết bị, khối, kiện, thanh, gỗ cây:

+ Trọng lượng mỗi khối, kiện từ 500 kg đến 10 tấn: Xếp 04 giờ/xe; dỡ 03 giờ/xe.

+ Trọng lượng mỗi khối, kiện từ trên 10 tấn đến 30 tấn: Xếp 03 giờ/xe; dỡ 02 giờ/xe.

+ Trọng lượng mỗi khối, kiện trên 30 tấn: Được thỏa thuận trong hợp đồng vận tải.

- Hàng lỏng xếp trong toa xe chuyên dùng:

+ Xăng, dầu sáng: Xếp 04 giờ/xe; dỡ 02 giờ/xe.

+ Hàng lỏng khác: Xếp 04 giờ/xe; dỡ 04 giờ/xe.

c. Hàng nguy hiểm, hàng siêu trường, siêu trọng (hàng quá giới hạn, quá dài, quá nặng) hàng giao nhận qua cân bàn, cân treo: Thời gian xếp dỡ được tính gấp 1,5 lần tương ứng với loại hàng và phương pháp xếp hàng qui định tại các Điều a, b nêu trên.

2. Định mức thời gian xếp, dỡ đối với toa xe khổ đường 1435 mm:

Định mức thời gian tác nghiệp xếp dỡ cho một toa xe khổ đường 1435 mm được tính bằng 1,3 lần so với định mức thời gian tác nghiệp xếp dỡ của toa xe khổ đường 1000 mm quy định tại Mục 1 nêu trên (trừ loại hàng hóa xếp trong container).

3. Định mức thời gian xếp dỡ cho một cụm toa xe:
- Cụm toa xe dưới 05 toa: Tính bằng 1,3 lần định mức xếp dỡ cho một toa xe qui định tại Mục 1 hoặc 2 nêu trên.
 - Cụm toa xe từ 05 toa trở lên: Tính bằng 1,5 lần định mức xếp dỡ cho một toa xe qui định tại Mục 1 hoặc 2 nêu trên.
 - Cụm toa xe container: Cứ mỗi container tính thêm 0,3 giờ.
4. Định mức thời gian xếp dỡ qui định cho tác nghiệp tại từng hạng ga khác nhau:
- Tại các ga hạng 1: Định mức thời gian tác nghiệp xếp dỡ tính theo hệ số 1.
 - Tại các ga còn lại: Định mức thời gian tác nghiệp xếp dỡ tính theo hệ số 1,3.
 - Khi tính định mức thời gian xếp dỡ cho một toa xe hay một cụm toa xe, các Chi nhánh VTĐS, Trung tâm (hoặc Trạm) VTĐS áp dụng định mức qui định tại các Mục 1 hoặc 2, 3 nêu trên, sau đó nhân với hệ số định mức tương ứng của ga xếp hàng.
5. Khi hàng hóa (khí ga, xăng dầu, quặng, than, đá, thạch cao, container, xi măng) có khối lượng lớn, ổn định được xếp dỡ bằng thiết bị chuyên dùng tại các đường nhánh, đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia: Có thể áp dụng những qui định trên đây hoặc tiến hành xây dựng định mức riêng. Trường hợp này, việc định mức thời gian xếp dỡ cho một cụm xe phải căn cứ số lượng toa xe của một lần dồn, công suất thiết bị xếp dỡ chuyên dùng; thời gian thực hiện xếp dỡ, thời gian làm tác nghiệp về hàng hóa, thời gian gia cố, niêm phong hoặc vệ sinh toa xe... thời gian này được tính toán và thỏa thuận trong hợp đồng vận chuyển (trường hợp này không áp dụng hệ số).

Điều 6. Kỳ hạn nhận hàng, thời gian dỡ động toa xe.

- Quy định kỳ hạn nhận hàng đối với từng loại hàng:
 - Hàng thuộc chất dễ cháy, dễ nổ, linh cữu, thi hài: 04 giờ.
 - Vật phẩm quý giá, động vật sống và hàng hóa dễ hư hỏng: 06 giờ.
 - Hàng nguy hiểm (trừ chất cháy nổ): 08 giờ.
 - Hàng hóa khác: 24 giờ.
- Thời gian dỡ động toa xe: Người thuê vận tải, người nhận hàng được miễn trừ do phải làm thủ tục hải quan khi xuất nhập khẩu được tính là 06 giờ. Trường hợp toa xe đến ga sau 16 giờ 30 phút đến 07 giờ 30 phút ngày hôm sau, thời gian miễn trừ làm thủ tục hải quan được tính là 14 giờ.

Điều 7. Mức thu tiền động toa xe (chưa gồm thuế GTGT).

- Tiền động toa xe Trung Quốc trên ĐSVN:

Đơn vị tính: đồng/giờ/xe

Thời gian động	Toa xe khổ đường 1000 mm	Toa xe khổ đường 1435 mm
Từ 01 giờ đến 360 giờ	12.000	18.000
Trên 360 giờ	37.000	22.000

2. Tiền động toa xe đối với tàu chuyên tuyến Bắc - Nam:

Đơn vị tính: đồng/giờ/xe

Thời gian động	Đơn giá
Từ 01 giờ đến 12 giờ	30.000
Từ 13 giờ đến 24 giờ	40.000
Trên 24 giờ	50.000

3. Tiền động toa xe của Đường sắt Việt Nam:

Đơn vị tính: đồng/01 ngày/xe

Thời gian động	Toa xe khổ đường 1000 mm	Toa xe khổ đường 1435 mm
Ngày thứ nhất	300.000	350.000
Từ ngày thứ 2 đến ngày thứ 7	350.000	400.000
Từ ngày thứ 8 trở đi	400.000	450.000

Điều 8. Quy định về lập biên bản và thu tiền động toa xe.

1. Tất cả các trường hợp quá thời gian xếp dỡ, quá kỳ hạn nhận hàng (động xe) do chủ quan hay khách quan đều phải lập biên bản và xác nhận với khách hàng. Trong biên bản phải thể hiện đầy đủ các nội dung, thời gian từng tác nghiệp đồng thời nêu rõ nguyên nhân, lý do để làm cơ sở tính thu tiền động toa xe và xác định trách nhiệm cũng như giải quyết các thời gian miễn trừ động xe khác.

2. Trước ngày 05 hàng tháng, các Chi nhánh vận tải đường sắt tổng hợp và gửi toàn bộ biên bản động xe đã lập kèm theo hóa đơn thu phụ phí của tháng trước về Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn (qua Phòng TCKT) để thẩm hạch chứng từ theo quy định.

Điều 9. Thỏa thuận các điều khoản thu tiền động toa xe trong hợp đồng vận chuyển.

1. Trong hợp đồng vận chuyển ký với người thuê vận tải phải thống nhất về tên hàng, khối lượng, giá cả và quy định thời gian xếp dỡ đối với từng loại hàng cũng như quy định về thời gian động xe và đơn giá tiền động toa xe; phải có các điều khoản cam kết chặt chẽ trong việc động xe và thu tiền động toa xe (kể cả thỏa thuận

miễn trừ, thu trước các khoản đóng xe định mức được xác định và thỏa thuận. Trừ trường hợp bất khả kháng).

2. Thực hiện thu tiền đóng toa xe, tạm dừng hợp đồng với người thuê vận tải để khắc phục tồn tại khi người nhận hàng cố ý sử dụng xe đường sắt làm kho chứa hàng.

3. Thống nhất với người thuê vận tải tổ chức xếp hàng tại các ga trọng điểm có điều kiện về kho bãi, phương tiện, nhân lực phục vụ xếp dỡ tốt để nâng cao năng lực dỡ hàng giải phóng nhanh toa xe (ưu tiên về các ga có điều kiện cơ giới hóa xếp dỡ).

Điều 10. Quy định khu vực thu tiền đóng xe của các Chi nhánh VTĐS

Các chi nhánh VTĐS thu tiền đóng xe theo khu vực được phân chia như sau:

- Chi nhánh VTĐS Miền Bắc từ ga Đông Hà trở ra các ga phía Bắc;
- Chi nhánh VTĐS Đà Nẵng từ ga Quảng Trị đến ga Sa Huỳnh;
- Chi nhánh VTĐS Nha Trang từ ga Tam Quan đến ga Cà Rôm;
- Chi nhánh VTĐS Bình Thuận từ ga Phước Nhơn đến ga Biên Hòa;
- Chi nhánh VTĐS Sóng Thần từ ga Dĩ An đến ga Bình Triệu;
- Chi nhánh VTĐS Sài Gòn từ ga Gò Vấp đến ga Sài Gòn.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

Điều 11. Các phòng chuyên môn Công ty.

1. Phòng Kinh doanh & chăm sóc khách hàng.

a. Kiểm tra, theo dõi, đôn đốc các Chi nhánh vận tải đường sắt triển khai và thực hiện của các chức danh liên quan theo quy định này;

b. Báo cáo lãnh đạo Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn nếu có Chi nhánh vận tải đường sắt, Trung tâm (hoặc Trạm) vận tải đường sắt vi phạm quy định. Căn cứ tính chất và mức độ vi phạm mà đề xuất phương án xử lý kỷ luật, truy cứu trách nhiệm.

2. Phòng Tài chính - Kế toán.

a. Đôn đốc, chỉ đạo các Chi nhánh vận tải đường sắt hàng tháng gửi biên bản đóng xe đã lập, hóa đơn thu phụ phí của tháng trước (nếu có) về và thẩm hạch lại các chứng từ theo quy định;

b. Phối hợp với phòng KD&CSKH để xác định, đối chiếu biên bản đóng xe do các Chi nhánh vận tải đường sắt, Trung tâm (hoặc Trạm) vận tải đường sắt xác lập.

Điều 12. Trách nhiệm của Giám đốc Chi nhánh VTĐS.

1. Thông báo rộng rãi và niêm yết công khai quy định này tại các ga đường sắt, địa điểm giao dịch để tất cả người thuê vận tải, người nhận hàng được biết;

2. Tổ chức triển khai đến các chức danh liên quan học tập, nắm vững quy định để tham gia công tác sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao;

3. Chỉ đạo các chức danh liên quan giám sát, kiểm tra toa xe trong và sau khi dỡ hàng. Trước khi nhận xe trả rỗng từ người nhận hàng phải kiểm tra vệ sinh toa xe và trạng thái thương vụ toa xe (mũi, thành, sàn, cửa, nóc, cửa có bị cong vênh, thùng dột không, ...). Nếu phát hiện hư hỏng, cùng người nhận hàng lập biên bản xác định nguyên nhân và mức độ thiệt hại; yêu cầu người nhận hàng phải trả chi phí khắc phục những hỏng hóc do mình gây ra;

4. Trực tiếp nắm bắt thông tin, phản ánh từ người thuê vận tải, người nhận hàng nếu có nội dung nào phát sinh cần sửa đổi bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế, các Chi nhánh VTĐS báo cáo về Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn (qua phòng KD&CSKH) để tổng hợp trình Tổng Giám đốc xem xét quyết định;

5. Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện quy định này và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc đối với công tác tổ chức thực hiện quy định này.


TỔNG GIÁM ĐỐC
Đào Anh Tuấn